

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 298/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28/11/2019

V/v tranh chấp ly hôn, về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Lâm Sơn;

2. Ông Nguyễn Văn Hồng;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tân Kiệt, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 790/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp “ly hôn, về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 559/2019/QĐXX-ST ngày 22 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần C, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Phan Thị Nguyệt A, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn anh Trần C trình bày: Anh và chị Phan Thị Nguyệt A do mai mối, tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường cãi nhau, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nhiều và không còn chung sống từ đó đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, anh yêu cầu

ly hôn với chị Phan Thị Nguyệt A. Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thị Thúy N, sinh ngày 09/5/2004 (hiện do chị A chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn, anh C đồng ý để chị A được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung. Về quan hệ tài sản chung: Anh C xác định không có. Về quan hệ nợ chung: Anh C trình bày không có.

Tại phiên tòa, anh C có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn chị Phan Thị Nguyệt A được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị A vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Trần C yêu cầu ly hôn với chị Phan Thị Nguyệt A, chị A có nơi cư trú ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn anh Trần C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Phan Thị Nguyệt A được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, nhưng chị A vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh C và chị A là có căn cứ.

[3] Anh Trần C yêu cầu ly hôn với chị Phan Thị Nguyệt A. Anh C và chị A có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo anh C trình bày, trong quá trình chung sống vợ chồng thường hay phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường cãi nhau, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nhiều đến năm 2016 thì mâu thuẫn trầm trọng và không còn chung sống đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn anh yêu cầu ly hôn với chị Phan Thị Nguyệt A. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về việc anh C yêu cầu ly hôn và triệu tập chị A tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng chị A vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của anh C. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa anh C và chị A đã diễn ra trong thời gian dài, nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên thường cãi nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn nhiều hơn và không còn chung sống từ năm 2016 đến nay. Trong thời gian này hai bên cũng không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu chung sống với nhau cũng không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội

đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần C là phù hợp theo quy định pháp luật.

[4] Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống, anh C xác định vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thị Thủy N, sinh ngày 09/5/2004 (hiện do chị A chăm sóc, nuôi dưỡng). Khi ly hôn, anh C đồng ý để chị A được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập chị A đến Tòa án và dẫn cháu N đi cùng đến Tòa án để Tòa án ghi nhận ý kiến của cháu, nhưng chị A và cháu N vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của chị A và cháu N. Bên cạnh đó, thì từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau, cháu N do chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên tâm tư tình cảm của cháu gắn liền với người nuôi dưỡng và chị A cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu này của anh C. Do đó, để chị A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N là phù hợp với pháp luật.

[5] Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị A không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về quan hệ tài sản chung: Anh C trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về quan hệ nợ chung: Anh C trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần C đối với chị Phan Thị Nguyệt A.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần C được ly hôn với chị Phan Thị Nguyệt A.

Giấy chứng nhận kết hôn **số 545, ngày 22 tháng 10 năm 2003** do Ủy ban nhân dân **xã Kiến An**, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp cho **anh Trần C và chị Phan Thị Nguyệt A** không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung: Chị Phan Thị Nguyệt A được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Thúy N, sinh ngày 09/5/2004 (hiện do chị A chăm sóc, nuôi dưỡng). Anh Trần C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Phan Thị Nguyệt A cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Trần C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận việc anh Trần C xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì anh Trần C và chị Phan Thị Nguyệt A phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, anh Trần C phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0013561 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 13/9/2019. Anh C đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thư

